



Số: 152 /BC-CLM

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN**  
**NĂM 2017**

**I. Thông tin chung**

*1. Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100304
- Vốn điều lệ: 110.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 110.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 39424634
- Số fax: 024 39422350
- Website: www.coalimex.vn

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Công ty được thành lập từ ngày 01/01/1982 trên cơ sở chuyển Công ty Vật tư trực thuộc Bộ Điện Than thành Công ty Xuất Nhập khẩu Than và Cung ứng Vật tư “Coalimex” (trực thuộc Bộ Mỏ và Than, sau đó trực thuộc Bộ Năng lượng),

+ Sau khi Tổng Công ty Than được thành lập ngày 10/10/1994 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1995. Ngày 01/4/1995, Bộ Năng lượng ra quyết định số 137NL/TCCB chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Than và Cung ứng vật tư – Coalimex về trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam; Ngày 25/12/1996 đổi tên là Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế “Coalimex”.

+ Ngày 01/12/2004 Bộ Công nghiệp có Quyết định số 149/QĐ-BCN chuyển Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) nay là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex), trong đó: vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, Nhà nước (Tổng công ty Than Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) chiếm 59% giữ cổ phần chi phối.

+ Ngày 14/01/2005 Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, thông qua phương án kinh doanh của Công ty cổ phần;

+ Ngày 25/01/2005 Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty số 0103006588;

+ Ngày 22/12/2006 tại Quyết định số 245/QĐ-CLM Đại hội đồng cổ đông đã đổi tên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (V- Coalimex);

+ Ngày 17/9/2010 tại Quyết định số 141/QĐ-CLM Đại hội đồng cổ đông đã đổi tên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (V-Coalimex) thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex).

+ Ngày 06/11/2008 tại Giấy chứng nhận số 350/UBCK- GCN Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty;

+ Ngày 26/12/2008 Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 lên 48.275.600.000 đồng; Theo đó tỷ lệ vốn của Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) tại Công ty thay đổi từ 59% thành 55% vốn điều lệ.

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã quyết định tăng vốn điều lệ lên thành 110 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

+ Ngày 02/7/2009 Chủ tịch nước ký quyết định tặng Huân chương lao động hạng Nhất cho Công ty (Quyết định số 2408/QĐ-CTN).

+ Ngày 26/9/2014 Chủ tịch nước ký quyết định tặng Huân chương độc lập hạng III cho Công ty (Quyết định số 165/QĐ-CTN).

+ Ngày 19/01/2016 tại Quyết định 31/QĐ –SGDCKHN V/v: Sở GDCK HN chấp thuận niêm yết CP của Công ty; Ngày 15/04/2016 Công ty thực hiện ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở GDCKHN.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### a, Ngành nghề kinh doanh:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp và uỷ thác: than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than; thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại; khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm); hàng hoá công nghiệp nhẹ và hàng hoá tiêu dùng; đồ dùng, rượu, bia các loại (không bao gồm kinh doanh quán bar); thuốc lá lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến; thiết bị viễn thông, điện tử; hàng điện máy, điện lạnh;

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu cát đã qua chế biến;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)

- Nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Kinh doanh than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than;

- Ô tô và xe có động cơ khác: Kinh doanh thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại;

- Kim loại và quặng kim loại: Kinh doanh khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);

- Đồ dùng khác cho gia đình: Kinh doanh hàng hoá công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng;

- Đồ uống: Kinh doanh đồ dùng, rượu, bia các loại;

- Sản phẩm thuốc lá, thuốc lào: Kinh doanh thuốc lá lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến;

- Thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: Kinh doanh thiết bị viễn thông, điện tử; hàng điện máy, điện lạnh;

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Tư vấn du học nước ngoài;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị, máy

móc, và ký gửi hàng hoá;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Dịch vụ vận tải hàng hoá;

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Hoạt động xuất khẩu lao động;

- Giáo dục nghề nghiệp: Đào tạo, giáo dục, định hướng cho người lao động Việt Nam đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

- Sản xuất than cốc: Sản xuất, chế biến than mỏ và các khoáng sản khác;

- Phá dỡ: San lấp mặt bằng

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi;

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Kinh doanh các mặt hàng nông sản;

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh các mặt hàng thực phẩm tươi sống, đông lạnh, thủy hải sản;

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh Nitrat Amôn hàm lượng cao;

- Thoát nước và xử lý nước thải

- Thu gom rác thải không độc hại

- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

b, Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

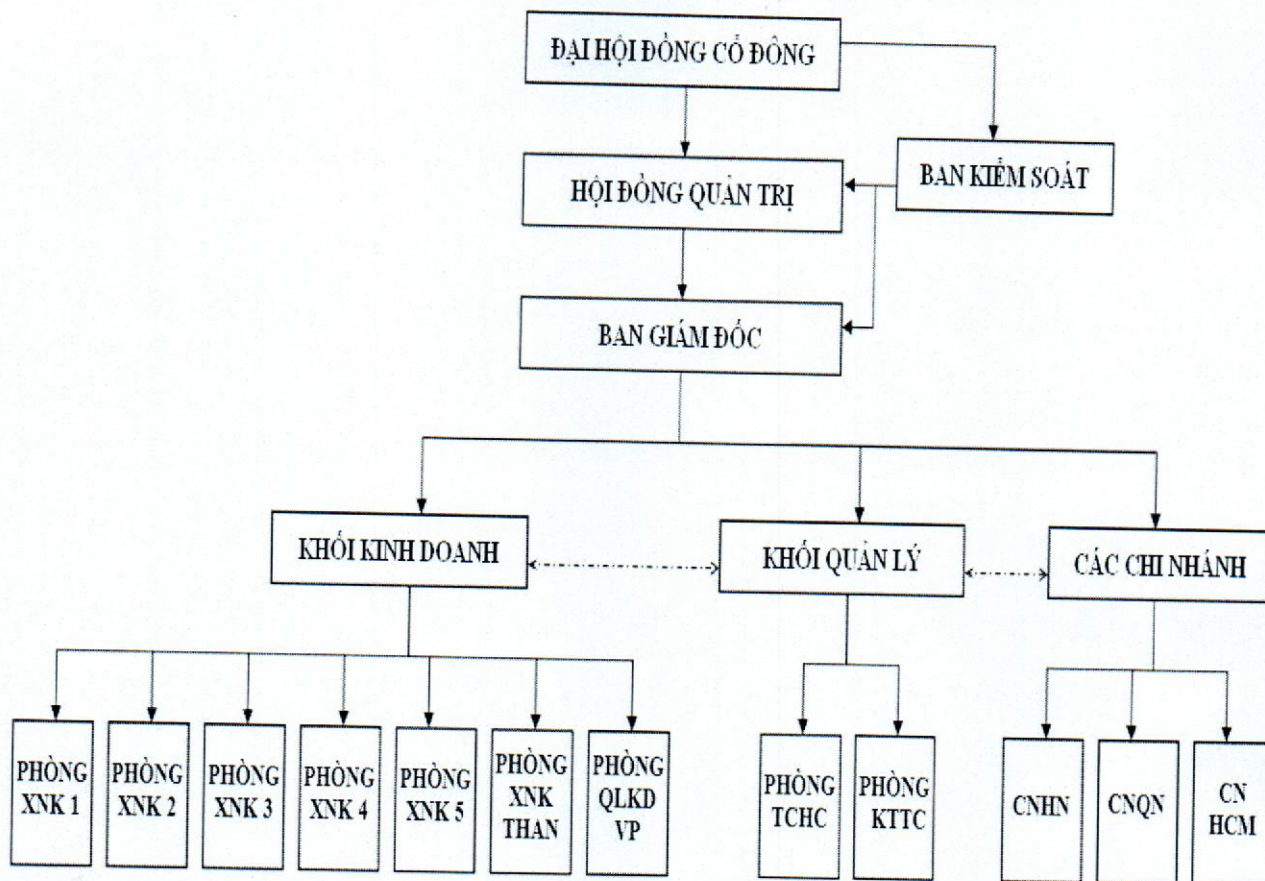
a, Mô hình quản trị:

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch và 04 ủy viên

- Ban kiểm soát: 03 thành viên, gồm: 01 Trưởng ban và 02 ủy viên

b, Cơ cấu bộ máy quản lý:

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY COALIMEX



c, Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

### 4. Định hướng phát triển:

- Định hướng của Công ty đảm bảo an toàn, đổi mới nhằm mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả;
- Phát triển công ty lớn mạnh cả về quy mô và chất lượng;
- Kinh doanh đa ngành nghề;
- Không ngừng tăng vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;

### 5. Các rủi ro:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

+ *Rủi ro lãi suất*: Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

+ *Rủi ro ngoại tệ*: Là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

+ *Rủi ro về giá cổ phiếu*: Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

- *Rủi ro về tín dụng*: Là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

+ *Phải thu khách hàng*: Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

+ *Tiền gửi ngân hàng*: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

- *Rủi ro thanh khoản*: Là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2017

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng than xuất khẩu	Tấn	250.000	356.552	143%
	Sản lượng than nhập khẩu	Tấn	165.000	200.244	121%
2	Tổng kim ngạch XNK	USD	52.000.000	59.856.090	115%
3	Tổng doanh thu	Tr. VND	1.315.180	1.414.970	107%
4	Giá trị sản xuất	Tr. VND	70.300	73.000	104%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. VND	16.800	17.103	102%
6	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/tháng	9.338	10.000	107%
7	Tỷ lệ cổ tức	%	8	(dự kiến) 8	100%

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### a. Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Nguyễn Thanh Hải	37.040	0,34
2	Phạm Minh	33.968	0,31
3	Nguyễn Mạnh Điệp	0	0
4	Lê Thị Thu Trang	76.608	0,70

#### b. Lý lịch trích ngang

#### **- Ông Nguyễn Thanh Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty**

1. Họ và tên: **NGUYỄN THANH HẢI**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 31/01/1971

4. Nơi sinh: Tứ Kỳ - Hải Dương

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 17 ngõ 46, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

7. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tuyển khoáng; Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ quản trị kinh doanh

8. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc - Ủy viên Hội đồng quản trị

9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1993 – 3/1995	Trung tâm KCS - Công ty Than Cẩm Phả - Quảng Ninh	Kỹ sư
4/1995 – 8/1996	Công ty Hóa Chất Mỏ	Kỹ sư
9/1996 – 8/2003	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên, Phó trưởng phòng XNK
9/2003 - 5/2007	Phòng XNK Than – Công ty Coalimex	Trưởng phòng
6/2007 – 9/2012	Công ty CP XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc
10/2012 đến 6/2016	Công ty CP XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc - Ủy viên Hội đồng quản trị
7/2016 đến nay	Công ty CP XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Giám đốc - Ủy viên Hội đồng quản trị

**- Ông Phạm Minh – Phó giám đốc Công ty:**

1. Họ và tên: **PHẠM MINH**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 18/06/1977

4. Nơi sinh: Uông Bí - Quảng Ninh

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 31, Tổ 26, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội

7. Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

8. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty - Ủy viên Hội đồng quản trị.

9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
01/2005 – 01/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
01/2006 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
08/2007 – 02/2008	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Phó trưởng phòng



03/2008 – 07/2010	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Quyền trưởng phòng
08/2010 – 04/2015 04/2015 – 8/2016	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng Phó Giám đốc
09/2016 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty - Ủy viên Hội đồng quản trị

**- Ông Nguyễn Mạnh Điệp – Phó giám đốc Công ty:**

- Họ và tên: **NGUYỄN MẠNH ĐIỆP**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/12/1976
- Nơi sinh: Xuân Châu, Xuân Trường, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 28 ngõ 379 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1999 – 03/2002	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Chuyên viên
04/2002 – 3/2003	Công ty mỏ than Kushiro, Nhật Bản	Làm việc biệt phái
04/2003 – 12/2005	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Chuyên viên
01/2006 – 6/2006	Công ty Cảng kinh doanh Than	Làm việc biệt phái
07/2006 -12/2006	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Phó trưởng phòng
01/2007 – 8/2016	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Trưởng phòng
16/8/2016 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty

**- Bà Lê Thị Thu Trang - Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **LÊ THỊ THU TRANG**
- Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 24/07/1978

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 80 Tổ 13E phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

7. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân ngoại ngữ

8. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty

9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
01/2005 – 08/2005	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
09/2005 – 06/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
07/2006 – 11/2009	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Trưởng phòng
12/2009 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Kế toán trưởng Công ty

- Thay đổi thành viên Ban điều hành: Không

- Số lượng CNVC-LĐ và chính sách đối với người lao động:

+ Tổng số lao động bình quân: 202 người.

+ Chính sách đối với người lao động:

Hàng năm, người lao động trong Công ty được Công ty tổ chức cho đi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ.... đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc;

Được Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ; cấp phát thuốc phòng bệnh; điều dưỡng tập trung, tại chỗ; tổ chức đi nghỉ mát...

Công ty luôn đảm bảo, tạo điều kiện để người lao động được tham gia, xây dựng và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ như quy chế thực hiện dân chủ, quy chế quản lý lao động tiền lương và trả lương, quy chế Thi đua - Khen thưởng...

Thực hiện đầy đủ đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Công ty trong việc thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động như chế độ nghỉ hưu, bảo hiểm, trợ cấp...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Đảm bảo khai thác tốt tòa nhà Văn phòng cho thuê tại 29- 31 Đinh Bộ Lĩnh thành phố Hồ Chí Minh và 33 Tràng Thi, Hà Nội. Đến hết năm 2017, tòa nhà ở 29 -31 Đinh Bộ

Lĩnh cho thuê được 98,34 % diện tích sàn cho thuê, tòa nhà ở 33 Tràng Thi đã cho thuê được 100 % tổng diện tích sàn cho thuê.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2017 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	579.407.098.284	541.636.758.062	-7%
Doanh thu thuần	1.860.663.904.106	1.407.351.123.900	-24,37%
Lợi nhuận từ HĐKD	14.414.238.601	17.329.064.146	+ 20,22%
Lợi nhuận khác	2.085.881.012	-225.942.388	-110,23%
Lợi nhuận trước thuế	16.500.119.613	17.103.121.758	+3,65%
Lợi nhuận sau thuế	11.541.328.554	13.642.594.365	+18,21%
Tỷ lệ trả cổ tức	8%	dự kiến 8%	

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2016: 110 tỷ đồng

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2017: 110 tỷ đồng

##### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,14 lần	1,14 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,87 lần	0,97 lần	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,76	0,73	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,10	2,75	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	13,13 lần	15,34 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,21 lần	2,6 lần	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,62%	0,97%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,16%	9,45%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,99%	2,52%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,77%	1,23%	

##### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a, Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 11.000.000 cổ phiếu
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có
- Cổ tức: dự kiến 08% mệnh giá.

b, Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông Nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
  - + Tổng vốn góp: 60.953.480.000 đồng
  - + Tỷ lệ: 55,41% VDL
- Cổ đông khác (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 23/11/2017): 138 cổ đông
  - + Tổng số vốn góp: 49.046.520.000 đồng
  - + Tỷ lệ: 44,59% VDL
- Cổ đông lớn:
  - + Cổ đông tổ chức: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
  - Địa chỉ liên lạc: Số 226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội
  - Mã số doanh nghiệp: 5700100256
  - + Cổ đông cá nhân: 01 cổ đông
- Cổ đông nước ngoài: Không
- Cổ đông trong nước: 139 cổ đông
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a, Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

b, Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

6.3. Tiêu thụ nước:

a, Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b, Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a, Số lần bị xử phạt: Không

b, Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a, Số lượng lao động: 202 người; mức lương trung bình 10 triệu đồng/người/tháng.

b, Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm, tổ chức cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ, đi nghỉ điều dưỡng để phục hồi sức khỏe. Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động. Tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát nhân dịp hè.

c, Hoạt động đào tạo người lao động:

Tổ chức cho người lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn do Tập đoàn TKV cũng như các đơn vị có liên quan tổ chức. Tạo điều kiện cho người lao động tham gia học đại học, thạc sỹ ngoài giờ hành chính.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Thường xuyên hưởng ứng các hoạt động của địa phương, tham gia ủng hộ các hoạt động từ thiện, khó khăn do lũ lụt... do Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội và các địa phương khác phát động.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc**

#### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất:*

Năm 2017, Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu đề ra.

#### *2. Tình hình tài chính:*

- Tình hình tài chính lành mạnh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2017: 541.636.758.062 đồng

#### *3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

- Thực hiện tốt công tác xuất nhập khẩu than theo sự phân công và chỉ đạo của TKV.

- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh phấn đấu tăng trưởng về giá trị sản xuất năm sau cao hơn năm trước;

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển trên nhiều lĩnh vực đảm bảo cả số lượng, chất lượng và mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Giữ vững và phát huy thế mạnh trong lĩnh vực nhập khẩu phục vụ ngành công nghiệp than – khoáng sản, mở rộng hoạt động kinh doanh một cách chọn lọc với các đối tác ngoài ngành than.

- Sắp xếp và đổi mới hoạt động kinh doanh xuất khẩu lao động, đưa loại hình kinh doanh này trở lại ổn định, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Lợi nhuận, cổ tức ổn định hàng năm;

- Xây dựng và phát triển các nhân tố mới phù hợp với quy mô, tốc độ phát triển của công ty;

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:**

#### *1. Về các mặt hoạt động của Công ty*

Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; Bảo toàn và phát triển vốn.

#### *2. Về hoạt động của Ban giám đốc*

- Ban giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2017.

- Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc đã có nhiều đề xuất đúng đắn, kịp thời, sát với thực tiễn giúp Hội đồng quản trị đưa ra các định hướng và quyết định chính xác, nhanh nhạy trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giám đốc Công ty và những người được ủy quyền đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, không để xảy ra thiệt hại về kinh tế.

#### *3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị*

- Nghiêm túc thực hiện đúng quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT ghi trong Điều lệ Công ty. Đảm bảo việc ban hành Nghị quyết, Quyết định kịp thời, thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác bảo toàn và phát triển vốn thực hiện tốt.

- Nghiên cứu phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới mà Công ty có lợi thế để bù đắp suy giảm từ hoạt động xuất khẩu than theo định hướng của Nhà nước.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị:

a, Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Vũ Văn Hà	0	0
2	Nguyễn Thanh Hải	37.040	0,34
3	Phạm Minh	33.968	0,31
4	Nguyễn Văn Cứ	442.724	4,02
5	Nguyễn Thanh Nga	18.410	0,17

b, Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thực hiện chức năng quản lý và giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy giúp việc, HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ của Công ty. Trong năm 2017 HĐQT có 18 cuộc họp và đã ban hành 23 Nghị quyết với các nội dung công việc chủ yếu như sau:

- + Thông qua việc thay đổi Hệ thống thang bảng lương và chế độ phụ cấp của Công ty;
- + Điều chỉnh mức lương Cán bộ quản lý Công ty theo hệ thống thang bảng lương mới nêu trên;
- + Thông qua việc sửa đổi Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- + Thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Trưởng đơn vị thuộc Công ty;
- + Thông qua mức tạm chi trả cổ tức năm 2016;
- + Phê duyệt và giao cho Giám đốc Công ty ký các hợp đồng tín dụng năm 2017;
- + Phê duyệt và giao cho Giám đốc Công ty báo cáo Tập đoàn xếp hạng doanh nghiệp cho Công ty;
- + Thống nhất chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- + Thống nhất phê duyệt quyết toán chi phí tiền lương của Công ty và Cán bộ quản lý Công ty năm 2016;
- + Thống nhất phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý lao động, tiền lương và trả lương của Công ty; Quy chế Thi đua, khen thưởng của Công ty;
- + Thống nhất phê duyệt chi thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2016;

- + Thống nhất phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi của Công ty năm 2017;
- + Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2017;
- + Thống nhất thông qua ban hành quy định tạm thời tỷ lệ chênh lệch than trong các công đoạn chế biến của Công ty;
- + Thống nhất thông qua việc sắp xếp và giao nhiệm vụ cho cán bộ thuộc Công ty;
- + Thống nhất thông qua việc đổi tên và giao nhiệm vụ cho đơn vị thuộc Công ty;
- + Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Công trình Coalimex Building 33 Tràng Thi, Hà Nội;
- + Thống nhất thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Thi đua – Khen thưởng của Công ty;
- + Thống nhất thông qua bổ sung kế hoạch sử dụng quỹ Phúc lợi năm 2017 của Công ty để hỗ trợ cho người lao động;
- + Thống nhất giao bổ sung nhiệm vụ cho Thư ký Công ty;
- + Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017;
- + Thống nhất thông qua các chức danh quản lý để thực hiện lấy phiếu tín nhiệm cán bộ quản lý Công ty năm 2017;
- + Phê duyệt danh sách quy hoạch sơ bộ đối với các chức danh Giám đốc, phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và các chức danh cấp trưởng, phó đơn vị giai đoạn 2020-2025;
- + Thông qua Quy chế kinh doanh vật tư hàng hóa của Công ty;
- + Thông qua Quy chế kinh doanh Than của Công ty;
- + Thông qua việc Giám đốc Công ty ký ban hành Quy định Quản lý và hoạt động của Trạm chế biến kinh doanh than của Công ty;
- + Thông qua quy định khoán chi phí điện thoại;
- + Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2017;
- + Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Một số nội dung khác.

## 2. Ban kiểm soát:

### a, Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Nguyễn Thị Lan Anh	4.242	0,04
2	Hoàng Đức Phương	47.339	0,43
3	Bùi Thị Minh Thu	38.359	0,35

b, Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

- Hàng quý, căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty lập, Ban đã tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo chức năng quy định tại Điều lệ, trong đó trong năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính; kiểm soát quản lý và sử dụng tiền lương, các quỹ, công tác đầu tư xây dựng; Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu; các chỉ tiêu: Vốn – tài sản và phân phối lợi nhuận năm 2017; Đề xuất đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2017; Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017; Chuẩn bị các báo cáo của Ban kiểm soát để phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

- HĐQT và các thành viên BKS đều hoạt động kiêm nhiệm và đã hưởng lương, thưởng theo công việc chuyên môn. Ngoài ra được hưởng thêm phần phụ cấp trách nhiệm hàng tháng.

- Chi phí phụ cấp cả năm của HĐQT và BKS là: 316.800.000 đồng. Tiền lương chuyên trách của 05 Cán bộ quản lý Công ty (Ban giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban kiểm soát) = 1,450 tỷ đồng.

Toàn bộ chi phí trên được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty.

- Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2017: Không

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Toàn văn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên website của Công ty: [www.coalimex.vn](http://www.coalimex.vn).

#### Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Lưu: VT, TCHC, KTTC, Tký Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ✓



Nguyễn Thanh Hải